

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Phạm Quang Hải Anh	HK1	7.6 ₁₆	7.0 ₄₂	8.4 ₂₄	6.2 ₄₀	7.5 ₂₈	5.8 ₂₉	7.6 ₁₃	7.3 ₄₁	7.2 ₂₁	6.6 ₂₄	8.7 ₈	Đ	9.6 ₁		7.5 ₁₈	1 0	K	T	TT	
2	Nguyễn Thị Mai Anh	HK1	7.5 ₂₀	7.5 ₃₀	8.6 ₂₀	7.5 ₁₇	7.8 ₁₈	6.6 ₁₄	7.1 ₂₆	8.9 ₁	7.5 ₁₃	6.3 ₃₁	6.4 ₄₃	Đ	6.2 ₄₂		7.3 ₂₇	0 0	K	T	TT	
3	Lê Thị Vân Anh	HK1	8.0 ₅	8.5 ₁₀	8.6 ₂₀	7.4 ₁₉	8.2 ₈	6.5 ₁₈	7.3 ₂₁	8.6 ₅	7.2 ₂₁	6.9 ₁₅	8.8 ₆	Đ	7.5 ₁₃		7.8 ₆	0 0	K	T	TT	
4	Nguyễn Ngọc Ánh	HK1	7.5 ₂₀	8.1 ₁₇	9.1 ₇	7.9 ₉	7.6 ₂₃	6.0 ₂₇	7.4 ₁₇	8.0 ₁₈	7.6 ₁₀	8.1 ₁	7.4 ₃₁	Đ	6.9 ₂₉		7.6 ₁₅	2 0	K	T	TT	
5	Nguyễn Văn Bình	HK1	7.7 ₁₁	7.5 ₃₀	7.7 ₃₃	5.6 ₄₅	7.8 ₁₈	5.5 ₄₀	7.7 ₁₀	7.7 ₂₇	7.4 ₁₆	6.4 ₃₀	8.9 ₅	Đ	7.3 ₁₉		7.3 ₂₇	2 0	K	T	TT	
6	Nguyễn Văn Bình	HK1	7.6 ₁₆	7.5 ₃₀	7.2 ₄₁	8.5 ₂	8.5 ₅	5.6 ₃₆	7.3 ₂₁	8.2 ₁₆	6.6 ₃₉	7.2 ₇	7.4 ₃₁	Đ	6.8 ₃₁		7.4 ₂₂	0 0	K	T	TT	
7	Cao Văn Cảnh	HK1	7.0 ₃₃	8.0 ₁₉	7.2 ₄₁	7.4 ₁₉	7.2 ₃₅	5.7 ₃₄	7.1 ₂₆	7.5 ₃₇	7.1 ₂₉	6.5 ₂₇	7.6 ₂₅	Đ	8.6 ₃		7.2 ₃₂	1 0	K	T	TT	
8	Đỗ Thị Cúc	HK1	7.3 ₂₆	7.2 ₄₀	9.2 ₄	7.2 ₂₈	7.4 ₃₂	6.5 ₁₈	7.0 ₃₀	8.3 ₁₄	7.3 ₁₈	6.5 ₂₇	8.6 ₉	Đ	6.8 ₃₁		7.4 ₂₂	0 0	K	T	TT	
9	Trần Đức Duyệt	HK1	6.4 ₄₃	7.8 ₂₃	6.7 ₄₅	7.0 ₃₁	7.4 ₃₂	5.8 ₂₉	6.4 ₃₇	7.6 ₂₉	7.2 ₂₁	5.3 ₄₁	8.0 ₁₇	Đ	7.1 ₂₃		6.9 ₃₈	0 0	Tb	K		
10	Lê Văn Diệp	HK1	7.6 ₁₆	7.3 ₃₉	7.3 ₃₉	6.1 ₄₂	7.7 ₂₂	5.6 ₃₆	7.1 ₂₆	7.6 ₂₉	7.2 ₂₁	5.1 ₄₄	6.4 ₄₃	Đ	8.0 ₈		6.9 ₃₈	1 0	K	T	TT	
11	Trịnh Quang Đông	HK1	8.5 ₂	9.2 ₂	9.8 ₁	8.3 ₅	7.6 ₂₃	5.9 ₂₈	8.6 ₁	8.6 ₅	7.4 ₁₆	6.8 ₂₁	9.0 ₃	Đ	8.4 ₄		8.2 ₁	0 0	K	T	TT	
12	Nguyễn Thị Hương Giang	HK1	8.0 ₅	9.0 ₄	9.1 ₇	7.8 ₁₁	8.0 ₁₂	7.0 ₂	8.0 ₄	8.3 ₁₄	8.3 ₁	7.6 ₃	8.6 ₉	Đ	7.3 ₁₉		8.1 ₂	0 0	G	T	GIOI	
13	Nguyễn Thị Hà	HK1	8.0 ₅	8.1 ₁₇	7.9 ₂₉	7.7 ₁₃	8.8 ₂	6.8 ₁₀	7.0 ₃₀	8.9 ₁	7.2 ₂₁	7.3 ₆	7.2 ₃₅	Đ	7.0 ₂₆		7.7 ₁₀	1 0	K	T	TT	
14	Vũ Thị Hồng Hạnh	HK1	7.3 ₂₆	7.4 ₃₈	7.4 ₃₇	6.6 ₃₄	8.1 ₉	6.9 ₅	6.7 ₃₅	7.6 ₂₉	5.9 ₄₅	6.6 ₂₄	9.3 ₁	Đ	7.3 ₁₉		7.3 ₂₇	0 0	K	T	TT	
15	Bùi Thế Hiệp	HK1	6.2 ₄₄	7.5 ₃₀	7.7 ₃₃	6.5 ₃₈	6.7 ₄₁	5.6 ₃₆	5.9 ₄₂	7.4 ₃₉	7.0 ₃₂	6.0 ₃₃	7.3 ₃₃	Đ	7.1 ₂₃		6.7 ₄₃	0 0	Tb	T		
16	Nguyễn Trung Hiếu	HK1	7.7 ₁₁	8.4 ₁₂	9.0 ₁₀	8.0 ₈	8.0 ₁₂	6.1 ₂₃	7.7 ₁₀	8.0 ₁₈	7.1 ₂₉	5.9 ₃₄	8.5 ₁₂	Đ	6.7 ₃₆		7.6 ₁₅	0 0	K	T	TT	
17	Đoàn Thị Hoa	HK1	6.7 ₃₈	6.7 ₄₅	6.8 ₄₄	7.4 ₁₉	6.1 ₄₅	6.6 ₁₄	6.0 ₄₁	6.8 ₄₄	6.4 ₄₂	5.2 ₄₃	5.8 ₄₅	Đ	6.8 ₃₁		6.4 ₄₅	0 0	Tb	T		
18	Nguyễn Thị Hòa	HK1	7.7 ₁₁	7.9 ₂₂	8.8 ₁₃	8.5 ₂	7.8 ₁₈	6.6 ₁₄	7.4 ₁₇	8.6 ₅	7.6 ₁₀	7.4 ₅	7.6 ₂₅	Đ	5.9 ₄₃		7.7 ₁₀	0 0	K	T	TT	
19	Nguyễn Đình Hoàn	HK1	8.0 ₅	9.2 ₂	8.8 ₁₃	7.4 ₁₉	7.5 ₂₈	5.4 ₄₃	7.7 ₁₀	7.6 ₂₉	6.7 ₃₇	5.9 ₃₄	7.6 ₂₅	Đ	7.9 ₉		7.5 ₁₈	0 0	K	T	TT	
20	Nguyễn Thị Ánh Hồng	HK1	8.6 ₁	8.5 ₁₀	9.0 ₁₀	7.8 ₁₁	7.5 ₂₈	6.9 ₅	5.8 ₄₄	8.6 ₅	7.7 ₇	7.1 ₁₀	8.4 ₁₃	CD	5.9 ₄₃		7.7 ₁₀	1 0	Tb	K		
21	Đoàn Văn Huy	HK1	5.7 ₄₅	7.5 ₃₀	7.3 ₃₉	7.4 ₁₉	6.8 ₄₀	5.5 ₄₀	7.0 ₃₀	7.4 ₃₉	6.6 ₃₉	5.6 ₃₇	6.9 ₃₈	Đ	7.5 ₁₃		6.8 ₄₀	0 0	Tb	T		
22	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	HK1	6.7 ₃₈	7.2 ₄₀	7.0 ₄₃	7.6 ₁₅	8.0 ₁₂	6.9 ₅	8.0 ₄	8.4 ₁₁	7.2 ₂₁	7.1 ₁₀	8.4 ₁₃	Đ	7.7 ₁₁		7.5 ₁₈	0 0	K	T	TT	
23	Vũ Thị Huyền	HK1	7.0 ₃₃	8.7 ₅	9.1 ₇	8.6 ₁	8.0 ₁₂	6.6 ₁₄	7.9 ₈	8.6 ₅	7.1 ₂₉	7.6 ₃	8.0 ₁₇	Đ	7.5 ₁₃		7.9 ₄	0 0	K	T	TT	
24	Nguyễn Thu Huyền	HK1	6.7 ₃₈	7.7 ₂₆	8.8 ₁₃	7.4 ₁₉	8.7 ₃	7.1 ₁	7.5 ₁₆	7.6 ₂₉	7.0 ₃₂	6.1 ₃₂	7.3 ₃₃	Đ	7.0 ₂₆		7.4 ₂₂	1 0	K	T	TT	
25	Phạm Thị Thu Huyền	HK1	7.8 ₁₀	8.0 ₁₉	9.4 ₃	6.3 ₃₉	7.8 ₁₈	6.1 ₂₃	7.9 ₈	7.9 ₂₁	7.5 ₁₃	6.5 ₂₇	7.8 ₂₃	Đ	7.2 ₂₂		7.5 ₁₈	0 0	K	T	TT	
26	Nguyễn Văn Lâm	HK1	6.5 ₄₁	7.6 ₂₈	8.1 ₂₇	7.4 ₁₉	7.2 ₃₅	5.1 ₄₅	6.1 ₄₀	6.6 ₄₅	7.2 ₂₁	5.1 ₄₄	6.8 ₄₀	Đ	6.8 ₃₁		6.7 ₄₃	0 0	K	T	TT	
27	Hoàng Thị Lan	HK1	7.7 ₁₁	8.0 ₁₉	8.5 ₂₂	8.2 ₆	8.3 ₇	6.5 ₁₈	8.0 ₄	8.0 ₁₈	7.9 ₄	7.2 ₇	7.5 ₃₀	Đ	7.5 ₁₃		7.8 ₆	0 0	K	T	TT	
28	Nguyễn Thủy Linh	HK1	7.5 ₂₀	8.6 ₈	8.7 ₁₆	7.9 ₉	8.0 ₁₂	6.8 ₁₀	7.6 ₁₃	8.6 ₅	8.0 ₂	6.9 ₁₅	7.6 ₂₅	Đ	7.1 ₂₃		7.8 ₆	0 0	K	T	TT	
29	Tăng Thị Thùy Linh	HK1	8.2 ₄	8.6 ₈	9.2 ₄	8.2 ₆	7.2 ₃₅	7.0 ₂	8.0 ₄	8.8 ₃	7.8 ₆	7.8 ₂	8.1 ₁₆	Đ	6.6 ₃₉		8.0 ₃	0 0	G	T	GIOI	
30	Hoàng Thị Lương	HK1	6.5 ₄₁	8.4 ₁₂	9.2 ₄	7.2 ₂₈	7.6 ₂₃	6.1 ₂₃	6.8 ₃₄	7.5 ₃₇	7.9 ₄	6.9 ₁₅	8.0 ₁₇	Đ	6.5 ₄₁		7.4 ₂₂	1 0	K	T	TT	
31	Nguyễn Gia Nam	HK1	7.2 ₂₉	7.8 ₂₃	8.4 ₂₄	7.6 ₁₅	6.7 ₄₁	5.8 ₂₉	6.6 ₃₆	7.2 ₄₃	6.6 ₃₉	6.6 ₂₄	8.4 ₁₃	Đ	5.4 ₄₅		7.0 ₃₇	0 0	K	T	TT	
32	Nguyễn Hoài Nam	HK1	6.8 ₃₆	7.8 ₂₃	7.8 ₃₁	6.6 ₃₄	7.6 ₂₃	5.7 ₃₄	6.4 ₃₇	7.3 ₄₁	6.1 ₄₄	5.5 ₃₉	7.1 ₃₇	Đ	6.9 ₂₉		6.8 ₄₀	0 2	K	TB		
33	Hoàng Thị Ngọc	HK1	7.2 ₂₉	8.3 ₁₄	8.5 ₂₂	8.4 ₄	8.1 ₉	6.8 ₁₀	8.1 ₂	8.7 ₄	7.3 ₁₈	7.1 ₁₀	9.0 ₃	Đ	7.0 ₂₆		7.9 ₄	0 0	K	T	TT	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghỉ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
34	Nguyễn Văn Ninh	HK1	7.2 ²⁹	7.7 ²⁶	8.4 ²⁴	7.4 ¹⁹	7.5 ²⁸	6.1 ²³	6.3 ³⁹	8.4 ¹¹	6.8 ³⁶	5.6 ³⁷	7.7 ²⁴	Đ	7.4 ¹⁸		7.2 ³²	0 0	K	T	TT	
35	Thân Thị Oanh	HK1	7.5 ²⁰	8.7 ⁵	8.7 ¹⁶	7.2 ²⁸	7.6 ²³	6.9 ⁵	8.1 ²	8.4 ¹¹	7.7 ⁷	7.0 ¹⁴	7.9 ²¹	Đ	6.7 ³⁶		7.7 ¹⁰	1 0	K	T	TT	
36	Cao Hồng Phong	HK1	7.3 ²⁶	8.3 ¹⁴	7.6 ³⁵	7.7 ¹³	6.9 ³⁹	5.8 ²⁹	7.0 ³⁰	7.8 ²⁶	6.7 ³⁷	5.8 ³⁶	7.2 ³⁵	Đ	6.6 ³⁹		7.1 ³⁶	0 0	K	T	TT	
37	Nguyễn Mạnh Quý	HK1	7.5 ²⁰	7.6 ²⁸	8.7 ¹⁶	6.2 ⁴⁰	9.1 ¹	5.5 ⁴⁰	5.9 ⁴²	7.6 ²⁹	6.3 ⁴³	5.3 ⁴¹	8.8 ⁶	Đ	8.1 ⁶		7.2 ³²	1 0	K	T	TT	
38	Nguyễn Đức Sơn	HK1	7.1 ³²	6.9 ⁴⁴	7.8 ³¹	6.1 ⁴²	6.6 ⁴³	5.4 ⁴³	7.3 ²¹	7.7 ²⁷	6.9 ³⁵	5.4 ⁴⁰	6.8 ⁴⁰	Đ	7.5 ¹³		6.8 ⁴⁰	0 0	K	T	TT	
39	Phạm Thị Phương Thảo	HK1	7.4 ²⁵	8.2 ¹⁶	7.9 ²⁹	7.5 ¹⁷	6.4 ⁴⁴	7.0 ²	7.2 ²⁵	8.2 ¹⁶	7.3 ¹⁸	7.1 ¹⁰	6.9 ³⁸	Đ	6.7 ³⁶		7.3 ²⁷	0 0	K	T	TT	
40	Nguyễn Thị Thảo	HK1	8.0 ⁵	7.0 ⁴²	8.0 ²⁸	5.9 ⁴⁴	7.1 ³⁸	5.8 ²⁹	5.6 ⁴⁵	7.9 ²¹	8.0 ²	6.7 ²²	8.6 ⁹	Đ	8.1 ⁶		7.2 ³²	1 0	K	T	TT	
41	Lê Thị Thu Thảo	HK1	8.3 ³	7.5 ³⁰	8.7 ¹⁶	7.3 ²⁷	8.6 ⁴	6.9 ⁵	7.1 ²⁶	7.9 ²¹	7.2 ²¹	6.9 ¹⁵	7.9 ²¹	Đ	8.3 ⁵		7.7 ¹⁰	0 0	K	T	TT	
42	Vũ Thị Thủy	HK1	7.7 ¹¹	7.5 ³⁰	9.7 ²	6.8 ³³	7.9 ¹⁷	6.2 ²²	7.4 ¹⁷	7.9 ²¹	7.5 ¹³	6.7 ²²	7.6 ²⁵	Đ	7.7 ¹¹		7.6 ¹⁵	0 0	K	T	TT	
43	Nguyễn Thùy Trang	HK1	7.0 ³³	7.5 ³⁰	7.4 ³⁷	6.6 ³⁴	7.4 ³²	6.8 ¹⁰	7.3 ²¹	7.6 ²⁹	7.0 ³²	7.2 ⁷	8.0 ¹⁷	Đ	9.3 ²		7.4 ²²	1 0	K	T	TT	
44	Nguyễn Quốc Việt	HK1	7.6 ¹⁶	9.4 ¹	9.0 ¹⁰	6.6 ³⁴	8.4 ⁶	5.6 ³⁶	7.6 ¹³	7.6 ²⁹	7.7 ⁷	6.9 ¹⁵	9.1 ²	Đ	7.8 ¹⁰		7.8 ⁶	1 0	K	T	TT	
45	Hoàng Hải Yến	HK1	6.8 ³⁶	8.7 ⁵	7.6 ³⁵	6.9 ³²	8.1 ⁹	6.4 ²¹	7.4 ¹⁷	7.9 ²¹	7.6 ¹⁰	6.9 ¹⁵	6.8 ⁴⁰	Đ	6.8 ³¹		7.3 ²⁷	2 0	K	T	TT	

Số ngày nghỉ có phép:	18	Hạnh kiểm:	Học lực:	Danh hiệu:
Số ngày nghỉ không phép:	2	- Tốt: 42	- Giỏi: 2	- Giỏi: 2
		- Khá: 2	- Khá: 38	- Tiên tiến: 37
		- Trung bình: 1	- Trung bình: 5	
		- Yếu: 0	- Yếu: 0	
			- Kém: 0	

Ngày..... tháng..... năm
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
HIỆU TRƯỞNG
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)